

Bản án số: 91/2021/HS-ST
Ngày 05 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Xây

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Tuyền-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 80/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn S**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 08/10/1978; Nơi sinh: Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 10, phường TĐ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1952, con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; Vợ, con chưa có; Gia đình có 4 chị em, bị cáo là con thứ tư; Tiền án: Không; Tiền sự: Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 130 ngày 12/04/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với Nguyễn Văn S trong thời hạn 15 tháng. Chấp hành xong ngày 22/9/2020.

- Nhân thân:

+ Bản án số 134/HSST ngày 09/7/1999 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên và Bản án số 198/HSPT ngày 20/8/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Xử phạt Nguyễn Văn X (Nguyễn Văn S) 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong Bản án ngày 23/8/2007).

+ Bản án số 15/HSST ngày 26/5/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xử phạt Nguyễn Văn X (Nguyễn Văn S) 24 tháng tù về tội “Huỷ hoại tài sản” (Chấp hành xong Bản án ngày 13/12/2013).

+ Bản án số 253/HSST ngày 06/9/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xử phạt Nguyễn Văn X (Nguyễn Văn S) 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong Bản án ngày 15/12/2012).

+ Quyết định giáo dục tại xã, phường đối với người vi phạm pháp luật số 28 ngày 26/4/2005 của UBND phường TĐ áp dụng đối với Nguyễn Văn X (Nguyễn Văn S) trong thời hạn 03 tháng (Chấp hành xong ngày 26/7/2005).

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về an ninh trật tự số 09 ngày 14/12/2006 của Công an phường Phố Cò thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt Nguyễn Văn X (Nguyễn Văn S) 400.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 09/11/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

- Bị hại:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 10, phường TT, TP T, tỉnh Thái Nguyên.

- Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1993 - vắng mặt tại phiên tòa

Địa chỉ: Xóm 1, TH, xã MT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 5 giờ ngày 04/10/2020, tổ bảo vệ của Bệnh viện A phát hiện một nam thanh niên đang trèo tường của bệnh viện ra ngoài, có biểu hiện nghi vấn nên đã giữ thanh niên lại kiểm tra và báo Công an phường TĐ, TP Thái Nguyên đến làm việc. Quá trình làm việc, nam thanh niên khai nhận tên Nguyễn Văn S vừa có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại tại phòng 215, khoa nội tổng hợp của Bệnh viện. Công an phường TĐ đã đưa S về trụ sở và lập biên bản sự việc.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn S khai: Khoảng 03 giờ, ngày 04/10/2020, Nguyễn Văn S đi bộ đến Bệnh viện A tại tổ 01, phường TĐ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, mục đích để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, khi đi đến phòng số 215 thuộc Khoa nội tổng hợp của Bệnh viện, S thấy các bệnh nhân trong phòng đều đang ngủ, phát hiện thấy trên đầu giường bệnh của bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1964, trú tại tổ 10, phường

TT, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) có 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 7, màu đỏ. S tiến đến phía đầu giường, dùng tay phải lấy chiếc điện thoại trên cho vào túi quần phía sau bên phải đang mặc, rồi rời khỏi phòng. Sau đó, S trèo tường ra khỏi khuôn viên Bệnh viện, khi vừa trèo được ra ngoài thì bị tổ bảo vệ của Bệnh viện A phát hiện và trình báo Công an phường TĐ. Công an phường tiến hành lập biên bản sự việc, thu giữ vật chứng nêu trên và chuyển hồ sơ vụ việc đến Công an thành phố Thái Nguyên để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận số 247/HĐĐGTS ngày 07/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 7, Ram 4Gb, bộ nhớ trong 64Gb, có số IMEI1: 86012880479910763, số IMEI 2: 860128048110769, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường có giá trị là 2.200.000đ.

Vật chứng vụ án gồm: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 7, số IMEI 1: 860128047910763, số IMEI 2: 860128048110769, màu đỏ, Ram 4Gb, bộ nhớ trong 64Gb, đã qua sử dụng, đã trả cho bị hại quản lý sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 75/CT-VKSTPTN, ngày 18/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo tù 18 đến 24 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 7, số IMEI 1: 860128047910763, số IMEI 2: 860128048110769, màu đỏ, Ram 4Gb, bộ nhớ trong 64Gb, đã qua sử dụng, đã trả cho bị hại quản lý sử dụng nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát.

Trong phần lời nói sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Khoảng 5 giờ ngày 04/10/2020, Nguyễn Văn S đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 7, màu đỏ có giá trị 2.200.000đ của bà Nguyễn Thị H đang nằm điều trị tại phòng 215, KH Nội tổng hợp Bệnh viện A, thuộc tổ 1, phường TĐ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên thì bị tổ bảo vệ phát hiện.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo, đặc điểm loại tài sản chiếm đoạt, biên bản định giá tài sản, lời khai của bị hại, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét hành vi của bị cáo được thực hiện một cách lén lút với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng, nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến ba năm”

...

Với những phân tích trên đây cho thấy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn S không có tiền án, có 01 tiền sự, nhân thân rất xấu, là đối tượng nghiện chất ma túy; đã 03 lần bị xét xử, trong đó có 02 lần về cùng loại tội, được đi cải tạo, giáo dục nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục có hành vi phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ hành vi và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo thành công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 thì bị cáo có thể bị phạt bổ sung bằng tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, sống lang thang, phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 7, số IMEI 1: 860128047910763, số IMEI 2: 860128048110769, màu đỏ, Ram 4Gb, bộ nhớ trong 64Gb, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên đã trả cho bị hại là bà Nguyễn Thị H quản lý sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án

[6]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về điều luật áp dụng, hình phạt đối với bị cáo và các nội dung khác là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn S 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2020. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TTG Công an tỉnh TN;
- Công an TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND P.TĐ, TPTN;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Vũ Thị An

